

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838

<http://pvgascity.com.vn>



GAS CITY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021
Số 02/BC-KĐT

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
- Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PVGAS CITY**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865
- Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020: **164.552.406.421 VND** (Một trăm sáu mươi tư tỷ, năm trăm năm hai triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, bốn trăm hai một đồng)
- Trụ sở chính: Tầng 4 - Số 167 Trung Kính - Phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37346848; Fax: 024.37346838
- Website: <http://pvgascity.com.vn>
- Email: info@pvgascity.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCG
- Logo công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển

- Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 01 năm 2021.
- Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

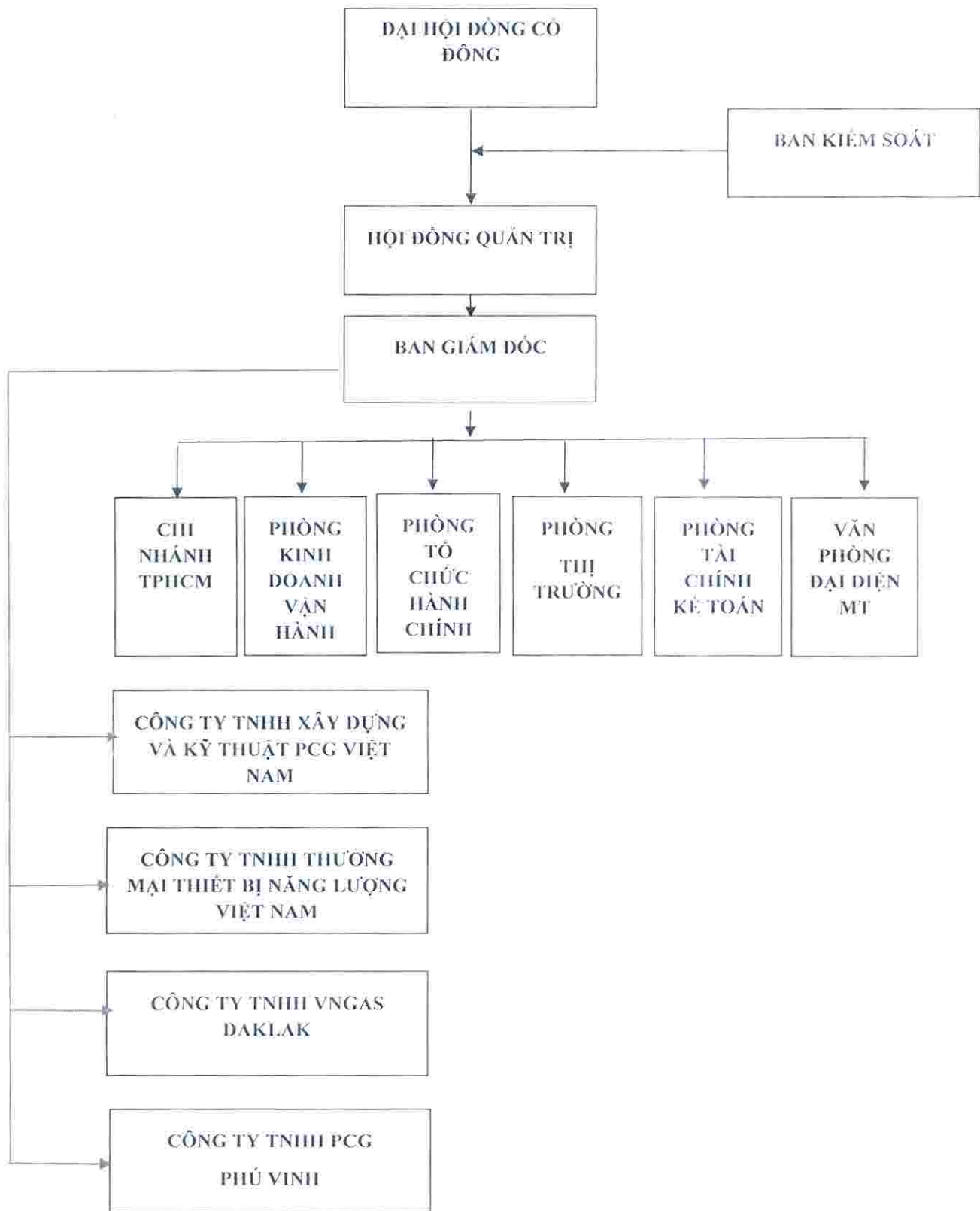
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas.

- Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

4.1. Mô hình quản trị/



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Ban điều hành: 03 người
 - o Ông Wangxin - Giám đốc
 - o Ông Liuxiaodong - Phó Giám đốc
 - o Ông Martin Wong Siew Bing- Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng, chi nhánh, VPDD:
 - o Phòng Tổ chức hành chính;
 - o Phòng Tài chính kế toán;
 - o Phòng Kinh doanh vận hành;
 - o Phòng thị trường;
 - o Chi nhánh TPHCM;
 - o Văn phòng đại diện Miền Trung.

4.3. Các công ty con:

- o Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật PCG Việt Nam;
- o Công ty TNHH Thương mại thiết bị năng lượng Việt Nam;
- o Công ty TNHH VNGAS Daklak;
- o Công ty TNHH PCG Phú Vinh.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng dùng gas lớn.
- Mở rộng chuỗi kinh doanh để gia tăng sản lượng và lợi nhuận kinh doanh LPG.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các khách hàng tại các khu công nghiệp.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm để cung cấp khí cho các khách hàng tại các khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên.
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.
- Chú trọng tập trung lĩnh vực xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp.
- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường xây dựng, mở rộng các đối tác kinh doanh từ khâu cung cấp nguồn khí, cung cấp VTTB, thi công xây dựng nhằm nâng cao năng lực cung cấp, thi công xây dựng.
- 5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm theo ba tiêu chí an toàn, chất lượng, kinh tế, đặc biệt tập trung vào khí đốt thiên nhiên.
 - Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.
6. **Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)
- Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có thay đổi về giá trong tương lai.
 - Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không và để giảm thiểu rủi ro này.
 - Nguy cơ cháy, nổ do thiên tai khách quan và chủ quan (cháy nổ ở các chung cư), ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đang thi hành nhiều biện pháp, chính sách quản lý chất lượng, chính sách an toàn trong từng khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh khí, nhận diện các yếu tố tác động có thể gây rủi ro cháy nổ cao, để có biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp, đồng thời ngăn ngừa tối đa rủi ro do cháy nổ.
 - Hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm chưa đồng bộ, chưa khuyến khích, gây khó khăn cho doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:



Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TII2020 so với KH2020	(%) TII2020 so với TII2019
(A)	(B)	-1	-2		(3)/(2)	(3)/(1)
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	LPG (tấn)	20,144.65	19,263.48	20,090.91	104%	99%
2	Xây lắp (ký mới)			0		
II	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)			0		
1	Doanh thu	290,378.03	268,539.09	287,862.36	107%	99%
2	Giá vốn	273,401.46	257,129.09	260,230.19	101%	95%
3	Chi phí bán hàng và quản lý DN	45,715.56	26,173.00	25,338.34	97%	55%
4	Lợi nhuận tài chính	1,468.43	0	1,509.42		102%
5	Lợi nhuận khác	-4,228.33	0	185.53		-4%
6	Lợi nhuận trước thuế	-31,499.07	-12,805.05	3,982.48	-30%	-13%
7	Lợi nhuận sau thuế	-31,499.07	-12,805.05	3,944.20	-31%	-13%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông Wang xin- Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/12/1963
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Dân tộc: Hán
- Trình độ chuyên môn: Đại học Sơn Đông khoa Vi trùng học.

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1995 – 01/2009	SITV Holdings N.V., China Holdings	Phó Chủ tịch
01/2009 – 12/2011	America ChinaGas Partners, Co.Ltd (Trung Quốc)	Phó Tổng giám đốc
01/2012 – 01/2014	Phòng kinh doanh Quốc tế thuộc ENN Group	Tổng giám đốc
01/2014 – 8/2015	ENN (American) Transfuels	Phó chủ tịch
9/2015 – 3/2017	GDFSUEZ, Trung Quốc	Phó Chủ tịch
3/2017 – 10/2018	SuChuang Gas Corporation Limited	Phó tổng giám đốc
5/2019 – 15/01/2021	Công ty cổ phần dầu tư phát triển Gas đô thị	Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.1.2. Ông Liuxiaodong – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/01/1973
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Dân tộc: Hán

- o Trình độ chuyên môn: Đại Học Công Nghiệp Bắc Kinh - Khoa Thiết kế và Chế tạo máy
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1996 – 8/2002	Công ty TNHH Công nghiệp Changkong Bắc Kinh	Phó trưởng phòng
3/2003 – 3/2005	Công ty TNHH Công nghệ lọc Chengtian Beida Bắc Kinh	Trưởng Phòng
4/2005 – 6/2011	Tập đoàn đầu tư Kangde	Phó Tổng giám đốc
7/2011 – 12/2011	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng ENN	Phó Tổng giám đốc khu vực Đông Trung Quốc
01/2012 – 7/2013	Công ty TNHH Phát triển Khoa học và Công nghệ ENN	Tổng giám đốc
8/2013 - 12/2016	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng ENN	Tổng giám đốc
01/2017 – 3/2018	Công ty TNHH Công nghệ Internet Năng lượng Phổ quát ENN, Khu vực Đông Bắc Trung Quốc	Tổng giám đốc
5/2018 – 3/2019	Công ty TNHH Năng lượng mới Tunghsu Azure	Tổng giám đốc Trung tâm
3/2019 – 21/5/2019	ENN Energy Holdings Limited	Thực tập
21/5/2019 – 25/02/2021	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó giám đốc

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.3. Ông Martin Wong Siew Bing – Phó Giám đốc

- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 27/03/1982
- o Quốc tịch: Malaysia
- o Dân tộc: Hoa
- o Trình độ chuyên môn: Đại Học Curtin, Khoa Kế toán và Tài chính.
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2017 – 02/2018	Trụ sở - Tập đoàn Investment and Finance Empowerment Group	Giám đốc tài chính cấp cao
3/2018 – 10/3/2021	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó giám đốc
16/8/2020 - 10/3/2021	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Kiểm nhiệm Phụ trách kế toán

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.2. Kế toán trưởng

- o Bà Đặng Thái Hà
- o Ngày tháng năm sinh: 10/11/1977
- o Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- o Địa chỉ thường trú: 13 ngách 14 Ngõ 639 Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội
- o Số CMND: 011875446 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2008
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- o Chứng chỉ hành nghề: Kế toán trưởng ; Dịch vụ thuế
- o Quá trình công tác, kinh nghiệm

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2000	Nhân viên kế toán	Công ty phát triển công nghệ thông tin AIC
2000 - 2007	Nhân viên kế toán	Công ty CP Bán kẹo Hải Hà
2007 - 2008	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
2008 - 11/2010	Phó phòng 'CKT'	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
11/2010 - 16/08/2020	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.3. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2020, Công ty thay đổi nhân sự trong ban điều hành như sau:
 - o Bà Đặng Thái Hà thôi đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 16/08/2020.
 - o Ông Martin Wong Siew kiêm nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán Công ty kể từ ngày 16/08/2020.
- Đến 10/3/2021, Công ty thay đổi nhân sự trong ban điều hành như sau:
 - o Ông Wang xin thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật từ ngày 15/01/2021, bổ nhiệm ông Zhu Zhilin thay thế;
 - o Ông Liu Xiaodong thôi đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 25/02/2021, bổ nhiệm ông Wu ZhiJun thay thế;
 - o Ông Martin Wong Siew Bing thôi đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 10/3/2021;
 - o Ông Martin Wong Siew thôi đảm nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán Công ty kể từ ngày 10/3/2021, bổ nhiệm bà Phan Ngọc Lan thay thế.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Đến 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên 67 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các công ty con:
 - o Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật PCG Việt Nam (PCG): Hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp các công trình khí; các dự án xây lắp cho Công ty mẹ và các dự án xây lắp bên ngoài.

- Công ty TNHH Thương mại thiết bị năng lượng Việt Nam (EET); Hoạt động chính trong các lĩnh vực kinh doanh VTTB ngành khí và các VTTB ngoài ngành.
- Công ty TNHH VNGAS Daklak : Hoạt động chính trong lĩnh vực chiết nạp LPG; bán lẻ bình LPG; và sơn vỏ bình LPG.
- Công ty TNHH PCG Phú Vinh: Thành lập để thực hiện dự án xây lắp hệ thống cấp khí Trung tâm cho các nhà máy tại khu Công nghiệp Phú Vinh (Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Tuy nhiên do dự án chưa triển khai, nên Công ty TNHH PCG Phú Vinh chưa hoạt động.

Tóm tắt tình hình tài chính của các Công ty con như sau:

Nội dung	Mã	EET	PCG	PCG Phú Vinh	Daklak
Vốn điều lệ		5,000,000,000	5,000,000,000	7,000,000,000	7,000,000,000
Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ		1	1	1	1
Vốn thực góp tại thời điểm báo cáo		2,596,590,800	1,050,000,000	20,000,000	14,938,263,363
Hoạt động SXKD chính trong năm		Bán VTTB	Xây lắp hệ thống gas trung tâm	Chưa hoạt động	Triệt nạp LPG, bán LPG, sơn sửa bình Gas
Dự phòng tổn thất do đầu tư		-94,668,114	-616,113,619	-5,286,220	-474,596,612
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH					
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	956,550,000			3,259,409,759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	956,550,000	0	0	3,259,409,759
4. Giá vốn hàng bán	11	769,885,000			2,150,088,469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	186,665,000	0		1,109,321,290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	306,373	70,255	25,353	177,102
7. Chi phí tài chính	22	472,967		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			0	0
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			0	
9. Chi phí bán hàng	25	36,310,000			749,930,505
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3,190,750	2,460,900	2,237,600	991,627,244
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30	146,997,656	-2,390,645	-2,212,247	-632,059,355
12. Thu nhập khác	31		20,750,000		8,000
13. Chi phí khác	32	44,780,400	4	8,400	80,031,632
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-44,780,400	20,749,996	-8,400	-80,023,632
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	102,217,256	18,359,351	-2,220,647	-712,082,987
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,509,828			0
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	100,707,428	18,359,351	-2,220,647	-712,082,987
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	0			0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	0			0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70				0
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	0			0

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	219,062,521,540	227,804,938,271	4.0%
2	Doanh thu thuần	298,349,037,738	287,856,052,385	-3.5%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-36,405,350,240	3,796,951,435	
4	Lợi nhuận khác	-4,224,849,945	185,527,224	
5	Lợi nhuận trước thuế	-40,630,200,185	3,982,478,659	
6	Lợi nhuận sau thuế	-40,630,200,185	3,944,204,349	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-2,153	200	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	2.97	2.28	
	Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	2.65	2.07	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.27	0.28	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.36	0.38	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	9.57	16.68	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.36	1.26	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	-0.14	0.01	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	-0.25	0.02	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	-0.19	0.02	
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	-0.12	0.01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)

5.2. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt ngày 26/03/2020

TT	Phân loại cổ đông	SL cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ %/VDL
1	Cổ đông lớn	4	16,145,400	85.56
	Cổ đông nhỏ	1170	2,724,600	14.44
2	Cổ đông tổ chức	15	14,883,700	78.87
	Cổ đông cá nhân	1159	3,986,300	21.13
3	Cổ đông trong nước	1151	9,907,280	52.50
	Cổ đông nước ngoài	23	8,962,720	47.50
4	Cổ đông nhà nước	1	218,100	1.16
	Cổ đông khác	1173	18,651,900	98.84

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - o Diện phục vụ cho hoạt động văn phòng: 6.093kwh/tháng, điện tại các trạm (bình quân 10-30KWh/trạm/tháng, sử dụng chủ yếu cho chiếu sáng/chạy báo rò gas,bảo cháy)
 - o Xăng cho ô tô 1.982 lít/tháng;
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động SXKD không sử dụng nước, nước chỉ dùng cho sinh hoạt văn phòng (67 CBNV, VP hạng B).

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp nước là nước máy, lượng tiêu thụ trung bình 70 m³/tháng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên 67 người;
- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân đạt: 10.310 triệu đồng/người/tháng;
- Đào tạo: Triển khai đào tạo cho 71 lượt người bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật và đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, với tổng chi phí 19.9 triệu đồng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được chú trọng, các CBNV làm việc tại các bộ phận có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo hộ, trang thiết bị lao động đều được Công ty cấp phát và trang bị đầy đủ. 100% CBNV công ty được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được Công ty mua bảo hiểm con người ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, do dịch covid 19 bùng phát đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế thị trường nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng, vì thế GAS CITY cũng không là ngoại lệ.

Tuy nhiên, xác định được mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh sẽ ảnh hưởng to lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên ngay từ những ngày đầu có dịch, Ban giám đốc Công ty đã có những biện pháp quyết liệt nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của dịch và đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này để kinh doanh có lãi:

- o Về kinh doanh LPG: Không để hàng tồn kho, bám sát khách hàng để thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh nợ khó đòi, tích cực thu hồi nợ xấu.
- o Về lĩnh vực xây lắp: quyết liệt thi công dự án xây lắp để đảm bảo đúng tiến độ, được nghiệm thu, thanh quyết toán đúng hạn.
- o Tích cực tìm kiếm, mở rộng khách hàng; cung cấp dịch vụ tư vấn về thị trường Khí tại Việt Nam; tái cơ cấu, tiết giảm nhân sự để đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

65.
Y
N
TRIE
IHI
P. HP

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL so với kỳ trước
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	169,332,763,500	143,533,485,234	(25,799,278,266)	-15.24%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	26,229,782,533	16,829,019,998	(9,400,762,535)	-35.84%
1. Tiền	26,229,782,533	12,429,019,998	(13,800,762,535)	-52.61%
2. Các khoản tương đương tiền	-	4,400,000,000	4,400,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17,700,000,000	20,812,499,329	3,112,499,329	17.58%
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17 700 000 000	20 812 499 329	3 112 499 329	17.58%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	97,432,444,203	79,460,514,238	(17,971,929,965)	-18.45%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41,766,493,564	52,405,967,609	10,639,474,045	25.47%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31,667,714,366	222,400,718	(31,445,313,648)	-99.30%
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	21,200,000,000	22,472,000,000	1,272,000,000	6.00%
6. Phải thu ngắn hạn khác	3,607,936,069	4,376,651,524	768,718,455	21.31%
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(849,857,376)	(37,126,558)	812,730,818	-95.63%
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	40,157,580	20,617,945	(19,539,635)	-48.66%
IV. Hàng tồn kho	18,490,678,577	13,167,834,467	(5,322,844,110)	-28.79%
1. Hàng tồn kho	19 914 106 724	13 704 129 223	-6 209 977 501	-31.18%
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,423,428,147)	(536,294,756)	887,133,391	-62.32%
V. Tài sản ngắn hạn khác	9,479,858,187	13,263,617,202	3,783,759,015	39.91%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	218,297,349	194,432,783	(23,864,566)	-10.93%
2. Thuế GTGT được khấu trừ	9,261,560,838	13,069,181,419	3,807,623,581	41.11%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	49,729,758,040	84,271,453,037	34,541,694,997	69.44%
I. Các khoản phải thu dài hạn	1,526,778,477	2,013,256,561	486,478,084	31.86%
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	14,469,830,885	16,177,480,596	1,707,649,711	11.80%
2. Trả trước cho người bán dài hạn	5,718,091,500	5,718,091,500	-	0.00%
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	77,795,872	70,795,872	(7,000,000)	-9.00%
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(18,738,939,780)	(19,953,111,107)	(1,214,171,627)	6.48%
II. Tài sản cố định	21,077,382,771	20,467,456,931	(609,925,840)	-2.89%
I. Tài sản cố định hữu hình	20,257,378,364	19,671,867,521	(585,510,843)	-2.89%
- Nguyên giá	30 083 885 172	31 427 568 919	1 343 683 747	4.47%



- Giá trị hao mòn lũy kế	(9,826,506,808)	(11,755,701,398)	(1,929,194,590)	19.63%
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	820,004,407	795,589,410	(24,414,997)	-2.98%
- Nguyên giá	1,408,758,913	1,408,758,913	-	0.00%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(588,754,506)	(613,169,503)	(24,414,997)	4.15%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1,734,852,272	1,668,926,304	(65,925,968)	-3.80%
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,734,852,272	1,668,926,304	(65,925,968)	-3.80%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	240,812,123	-	(240,812,123)	-100.00%
1. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240 812 123	-	(240.812.123)	-100.00%
VI. Tài sản dài hạn khác	25,149,932,397	60,121,813,241	34,971,880,844	139.05%
1. Chi phí trả trước dài hạn	25,044,752,186	60,053,397,512	35,008,645,326	139.78%
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	105,180,211	68,415,729	(36,764,482)	-34.95%
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
5. Lợi thế thương mại	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	219,062,521,540	227,804,938,271	8,742,416,731	3.99%

- Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Công ty có một số khoản trả trước cho người bán

Tên	Năm 2019	Năm 2020
Công ty TNHH đầu tư xây dựng hạ tầng Phú Vinh (i)	31.134.000.000	-
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long (ii)	5.577.000.000	5.577.000.000
Đối tượng khác	374.805.866	6.930.000

(ii) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05/01/2017 để mua căn hộ thuộc Dự án USILK City do Công ty CP Sông Đà - Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo Hợp đồng mua bán, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất là vào ngày 31/12/2018, tuy nhiên đến ngày 31/12/2020, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao.

023
 ÔN
 CỔ P
 TỬ P
 AS E
 GIẤY

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.
 - o Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê văn phòng tại tầng 4, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Trung Kính Yên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
 - o Tiền thuê quyền sử dụng đất tại khu Công nghiệp Phú Vinh Hà Tĩnh với thời hạn thuê 50 năm, đến năm 2060.
 - o Trong Chi phí trả trước dài hạn, tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện dầu khí chiếm 40%, tiền thuê quyền sử dụng đất tại khu Công nghiệp Phú Vinh Hà Tĩnh chiếm 58%.
- Phải thu về cho vay ngắn hạn: Phản ánh số dư phải thu Công ty Việt Tú theo Hợp đồng cho vay số 12/HDKĐT ngày 10/05/2018, phụ lục gia hạn ngày 07/02/2020.
Hiện nay công ty có một số khoản nợ xấu của các khách hàng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Đối tượng	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch
1	Công ty CP Sông Đà – Thăng Long	9,583,942,801	9,583,942,801	0
2	Công ty TNHH MTV KD Dầu Khí Việt Hải	2,973,279,100	2,973,279,100	0
3	Công ty TNHH khí hóa lỏng Đông Đô	2,905,659,887	2,905,659,887	0
4	Công ty CP Khí hóa lỏng Bắc Giang	2,635,291,171	2,625,291,171	-10,000,000
5	Công ty CP dầu khí Sài Gòn- Hà Nội		855,978,734	855,978,734
6	Công ty CP ĐT&PT Năng lượng Hà Nội	819,102,549	819,102,549	0
7	Các khách hàng khác	4,021,526,922	1,771,246,563	-2,284,244,350
	Tổng	22,938,802,430	21,534,500,811	-1,438,265,616

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL so với kỳ trước
C. NỢ PHẢI TRẢ	58,280,319,468	63,252,531,850	4,972,212,382	8.53%
I. Nợ ngắn hạn	56,961,959,249	62,827,657,249	5,865,698,000	10.30%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	32,379,890,054	37,204,394,202	4,824,504,148	14.90%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2,249,859,073	1,221,386,386	(1,028,472,687)	-45.71%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	155,077,744	117,756,652	(37,321,092)	-24.07%
4. Phải trả người lao động	912,538,471	1,510,017,069	597,478,598	65.47%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1,051,599,939	2,358,674,714	1,307,074,775	124.29%

6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	268,417,607	219,123,457	(49,294,150)	-18.36%
9. Phải trả ngắn hạn khác	2,373,957,337	2,156,361,301	(217,596,036)	-9.17%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16,957,900,000	16,946,950,000	(10,950,000)	-0.06%
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	304,086,638	911,135,585	607,048,947	199.63%
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	308,632,386	181,857,883	(126,774,503)	-41.08%
13. Quỹ bình ổn giá	-	-	-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
II. Nợ dài hạn	1,318,360,219	424,874,601	(893,485,618)	-67.77%
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	
7. Phải trả dài hạn khác	349,712,676	390,971,565	41,258,889	11.80%
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	968,647,543	33,903,036	(934,744,507)	-96.50%
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	

- Trong các khoản nợ phải trả ngắn hạn thì phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (36%).
- Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản như:
 - o Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội 80.740.842 đồng
 - o Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn 726.062.197 đồng
 - o Phải trả cổ tức 1.191.140.200 đồng
 - o Phải trả khác 158.418.062 đồng
- Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình, là ước tính chính xác nhất về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành mà công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.
 - o Tại ngày 1/1/2020: 1.272.734.181 đồng

- Trích lập bổ sung trong năm: 170.483.873 đồng
- Sử dụng trong năm: (28.930.914) đồng
- Hoàn nhập dự phòng: (469.248.519) đồng
- Tại 31/12/2020: 945.038.621 đồng

- Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng chia cho các cổ đông.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty vận hành theo hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT.
- Hệ thống các quy trình, quy định được rà soát, cập nhật để đáp ứng công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo và để kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng lớn.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp và bán LPG.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/

7.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....)

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình.
- Công ty có khí phát thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô văn phòng

7.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- 100% CBNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được đóng bảo hiểm đầy đủ và được mua bảo hiểm tự nguyện;
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động đầy đủ, đảm bảo trả lương đúng thời hạn, theo chức danh công việc đảm nhận;
- Công ty quan tâm, chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động; các ngày lễ, tết, 8/3; 20/10, kỷ niệm ngày thành lập đều được Công ty tổ chức các hoạt động tập thể nhằm mục đích gắn kết người lao động; Tổ chức đoàn thể là Công đoàn phối hợp với chính quyền thường xuyên thăm hỏi các CBNV khi ốm đau nhằm động viên, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống

7.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.



- Năm 2020, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid 19; thị trường kinh doanh LPG cạnh tranh khốc liệt, các khách hàng của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên cắt giảm sản lượng, kéo dài thời gian thanh toán....Đối mặt với những khó khăn đó, tập thể CBNV Công ty đã nỗ lực cố gắng tập trung mở rộng tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; hoàn thành quyết toán các hợp đồng xây lắp hệ thống gas; đảm bảo vận hành hệ thống citygas an toàn, hiệu quả, không có các hoạt động làm ảnh hưởng không phù hợp với môi trường và xã hội
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
- Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các kết luận chỉ đạo của HĐQT tại các phiên họp/phiếu lấy ý kiến. Ban giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp phù hợp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong dịch bệnh như:
 - o Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, quyết toán các hợp đồng đã thi công xong;
 - o Tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; phát triển khách hàng citygas tại các dự án có hệ thống gas Trung tâm;
 - o Tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn nhẹ bộ máy, tiết kiệm chi phí quản lý, bán hàng,....
 - Trong công tác quản lý điều hành, Ban giám đốc đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám đốc, trực tiếp phụ trách các mảng hoạt động và các đơn vị trong Công ty theo nguyên tắc toàn diện và chịu trách nhiệm đến cùng các vấn đề được giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**
- Năm 2020 với những khó khăn do tình hình hình dịch bệnh, bị hạn chế về vấn đề di chuyển trong điều kiện các thành viên HĐQT chủ yếu là người nước ngoài, để đảm bảo ổn định tình hình sản xuất, nâng cao hiệu quả trong SXKD, Hội đồng quản trị Công ty tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:
 - o Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, bám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án LPG công nghiệp: Triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án LPG Công nghiệp, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, CNG,.... Đặc biệt là dự án mà công ty đã đầu tư trạm cấp.
 - o Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc có phương án xử lý các tồn đọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thu hồi nợ khó đòi; chỉ đạo, định hướng các công ty con ...
 - o Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2020 nhằm tiết kiệm tối đa chi phí để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- o Kiện toàn lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện các mục tiêu phát triển trong thời gian tới.
- o Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình SXKD;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2020 có 05 thành viên, trong đó không điều hành là 05.

T T	Họ và tên	Chức vụ		Số lượng CP SH		Chức vụ tại TC khác
				Số lượng	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thanh Tú	CT	TV điều hành	2.291.700	12,14%	
2	Giang Nhược Trì	TV	TV không DII			
3	Liu yongxin	TV	TV không DII			
4	Youn Kwon Seok	TV	TV không DII			
5	Cheung Yip Sang	TV	TV không DII			

1.2. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức DIIDCD thường niên năm 2020;
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; Việc triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KIID năm 2021;
- Giám sát việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas Trung tâm và công tác thanh quyết toán các dự án;
- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;
- Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc;

498
 G T
 HÃ
 SÁT
 Ô T
 T

- Năm 2020, HĐQT công ty tổ chức họp /lấy phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT, nội dung các Nghị quyết của HĐQT như sau :

Stt	Ngày ban hành	Nội dung
1	14/01/2020	-Ủy quyền cho Giám đốc Công ty về việc mở bảo lãnh ngân hàng.
	05/03/2020	-Chấp thuận ông Liu Min ủy quyền cho ông Liu Yongxin tham dự và biểu quyết các cuộc họp HĐQT từ 28/02/2020 đến 30/05/2020 -Chốt danh sách cổ đông vào ngày 26/03/2020
2	21/4/2020	Thông qua các nội dung sau trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: 1. Đồng ý Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019. Thông qua KIID năm 2020; 2. Thông qua BCTC kiểm toán năm 2019; 3. Đồng ý quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và KII chi trả năm 2020; 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, KII hoạt động năm 2020; 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, KII hoạt động năm 2020; 6. Thông qua miễn nhiệm, bầu thay thế TV HĐQT vào nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên 2020;
3	15/05/2020	- Ủy quyền cho Giám đốc công ty làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 (tổ chức lần 2); - Chấm dứt hiệu lực quy định quản lý con dấu tại Nghị quyết số 07/KĐT-NQHĐQT ngày 09/8/2016 kể từ ngày 15/5/2020. Con dấu được quản lý theo quy định tại Điều lệ hiện hành của Công ty.
4	14/08/2020	- Thôi đảm nhận chức vụ kế toán trưởng Công ty đối với bà Đặng Thái Hà kể từ ngày 16/8/2020; - Bổ nhiệm ông Martin Wong Siew Bing đảm nhận chức vụ Phụ trách kế toán Công ty kể từ ngày 16/8/2020.
5	24/12/2020	Ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định và ký kết các hợp đồng về việc mở bảo lãnh và các vấn đề liên quan đến mở bảo lãnh tại ngân hàng. Thời hạn ủy quyền đến hết 31/12/2022

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP SH		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Zhao Haichi	TB	0		
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	KSV	0		
3	Bà Yang xing Qiong	KSV	0		

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: BKS công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật, kết quả giám sát năm 2020 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đã được Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Việc trả lương, thưởng cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Năm 2020, do tình hình dịch bệnh covid 19, Ban kiểm soát Công ty chưa tổ chức cuộc họp. Các thành viên trong Ban kiểm soát chỉ liên hệ, trao đổi qua điện thoại và email.



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 2020

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên	Lương	Thù Lao	Tổng cộng	Ghi chú
	HĐQT				
1	Nguyễn Thanh Tú	147,000,000	24 000 000	171,000,000	Bầu ngày 25/5/2020
2	Cheung Yip Sang		14 000 000	14,000,000	
3	Liu YongXin		24 000 000	24,000,000	
4	Giang Nhuộc Trì		24 000 000	24,000,000	
5	Yoon Kwon Seok		24 000 000	24,000,000	
6	Liu Min		10 000 000	10,000,000	Miễn nhiệm từ 25/5/2020.
	Ban kiểm soát				
1	Zhao HaiChi		18 000 000	18,000,000	
2	Yang xing Qiong		18 000 000	18,000,000	
3	Nguyễn Thị Thu Hương		18 000 000	18,000,000	
	Ban giám đốc				
1	Wang xin	258 245 455		258,245,455	
2	Martin Wong Siew Bing	233 453 891		233,453,891	
3	Liu Xiao Dong	109 182 655		109,182,655	
	Tổng	747,882,001	174,000,000	921,882,001	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty. Trong năm, vì lý do dịch bệnh nên cán bộ chủ chốt của Công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và

023498
 ÔNG T
 Ồ PHẢI
 Ư PHÁT T
 S ĐỘ T
 ẤY - TP

các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 được đăng tại địa chỉ website: www.pvgascity.com.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT: H.03.



Zhu Zhilin